



**神塔砖机**

Máy gạch Thần Tháp



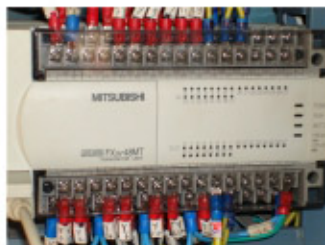
**南宁神塔机械设备有限公司**

Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết bị cơ khí Thần Tháp Nam Ninh

# Hệ thống sản phẩm ◀ Hệ thống các loại máy đúc gạch hiệu QTY

## Đặc điểm kỹ thuật chính

1. Sử dụng chương trình kiểm soát quá trình PLC của Nhật Bản, giao diện màn hình cảm ứng hoạt động, sản xuất hoàn toàn tự động, thiết lập hệ thống tự động, chức năng báo động, các thành phần điện khí do các công ty nổi tiếng trong nước cung cấp, hoạt động an toàn và tin cậy.
2. Máy chủ sử dụng thiết bị tăng áp và chế độ tần số rung động cao, để tạo ra sản phẩm hoàn hảo hơn.
3. Hệ thống dịch áp sử dụng sản phẩm nhập khẩu từ Đài Loan, Nhật Bản .
4. Sử dụng các thiết bị phá vỡ cấu trúc nhanh chóng, giúp giảm thiểu thời gian ra lò của sản phẩm.
5. Hệ thống thiết lập với dữ liệu từ thiết bị, số máy và thời gian rung động có thể khác nhau theo vật liệu để tiến hành thiết lập và sửa đổi .
6. Sử dụng bốn phương pháp định hướng và các vật liệu chống mài mòn để đảm bảo chính xác quá trình chuyển động của máy móc và áp suất đầu.
7. Một máy đa dụng, vừa có thể sản xuất các khối chịu lực, mà còn có thể sản xuất các khối không chịu lực, thông qua việc thay thế khuôn, có thể sản xuất một loạt các mặt bên trong và ngoài của khối tương ứng, cũng có thể sản xuất gạch đa lỗ và gạch lát đường.
8. Thân máy được cấu thành bởi sự kết hợp bởi siêu thép nhằm đảm bảo tính ổn định lâu dài và tin cậy.



## ➤ Sản phẩm máy đúc gạch hiệu QTY10-15

### Các thông số kỹ thuật chính ( QTY10-15 )

Kích thước bên ngoài (mm): 5200 × 2700 × 3100	Chu kỳ hình thành (giây/lượt) : 15-25
Trọng lượng toàn máy (tấn): 10	Sản lượng (viên / giờ): 2400
Tổng dung lượng lắp đặt máy (kW): 44	Lực chấn (Kn): 120
Số lượng hình thành (viên): 10(390 × 190 × 190)	Tần số rung (lượt / phút): 4300
Kích thước pallet (mm): 1050 × 900 × 30	Rung điện (kW): 18

### Bảng sản lượng (QTY10-15)

Tiêu chuẩn sản phẩm	Số lượng mỗi tấm	Viên / giờ	Viên / 8 giờ	vạn viên / năm
Gạch xây (390 × 190 × 190)	10	2400	19200	576(80,000m <sup>3</sup> )
Gạch đa lỗ (240 × 115 × 90)	21	5040	40320	1210(30,000m <sup>3</sup> )
Gạch lát đường ( 200 × 100 × 60)	36	8640	69120	2070(410,000m <sup>3</sup> )
Gạch tiêu chuẩn (240 × 115 × 53)	45	10800	86400	2590(38,000m <sup>3</sup> )



# Hệ thống sản phẩm

Hệ thống các loại máy đúc gạch hiệu QTY

## Sản phẩm máy đúc gạch hiệu QTY 8-15

### Các thông số kỹ thuật chính ( QTY8-15 )

Kích thước bên ngoài (mm): 5200 × 1900 × 2800	Chu kỳ hình thành (giây/lượt) : 15-25
Trọng lượng toàn máy (tấn): 9	Sản lượng (viên / giờ): 1920
Tổng dung lượng lắp đặt máy (kW):	Lực chấn (Kn):
Số lượng hình thành (viên):	Tần số rung (lượt / phút): 4300
Kích thước pallet (mm): 900 × 900 × 30	Rung điện (kW): 18

### Bảng sản lượng ( QTY8-15 )

Tiêu chuẩn sản phẩm	Số lượng mỗi tấm	Viên / giờ	Viên / 8 giờ	vạn viên / năm
Gạch xây (390 × 190 × 190)	8	1920	15360	460(65,000m <sup>3</sup> )
Gạch đa lỗ (240 × 115 × 90)	18	4320	34560	1036(26,000m <sup>3</sup> )
Gạch lát đường ( 200 × 100 × 60)	21	5040	40320	1210(240,000m <sup>2</sup> )
Gạch tiêu chuẩn (240 × 115 × 53)	36	8640	69120	2073(30,000m <sup>3</sup> )



## Sản phẩm máy đúc gạch hiệu QTY 6-15

### Các thông số kỹ thuật chính ( QTY6-15 )

Kích thước bên ngoài (mm): 3900 × 2100 × 2800	Chu kỳ hình thành (giây/lượt) : 15-20
Trọng lượng toàn máy (tấn): 8	Sản lượng (viên / giờ): 1440
Tổng dung lượng lắp đặt máy (kW): 40	Lực chấn (Kn): 65
Số lượng hình thành (viên): 6(390 × 190 × 190)	Tần số rung (lượt / phút): 4300
Kích thước pallet (mm): 1250 × 550 × 30	Rung điện (kW): 15

### Bảng sản lượng ( QTY6-15 )

Tiêu chuẩn sản phẩm	Số lượng mỗi tấm	Viên / giờ	Viên / 8 giờ	vạn viên / năm
Gạch xây (390 × 190 × 190)	6	1440	11520	345(48,000m <sup>3</sup> )
Gạch đa lỗ (240 × 115 × 90)	18	4320	34560	1036(26,000m <sup>3</sup> )
Gạch lát đường ( 200 × 100 × 60)	20	4800	38400	1152(230,000m <sup>2</sup> )
Gạch tiêu chuẩn (240 × 115 × 53)	36	8640	69120	2073(30,000m <sup>3</sup> )



## Hệ thống sản phẩm ◀ Hệ thống các loại máy đúc gạch hiệu QTY

### ➤ Sản phẩm máy đúc gạch hiệu QTY 5-15

#### Các thông số kỹ thuật chính ( QTY5-15 )

Kích thước bên ngoài (mm): 3860 × 1800 × 3000	Chu kỳ hình thành (giây/lượt) : 15
Trọng lượng toàn máy (tấn): 7	Sản lượng (viên / giờ): 1200
Tổng dung lượng lắp đặt máy (kW): 37	Lực chấn (Kn): 60
Số lượng hình thành (viên): 5(390 × 190 × 190)	Tần số rung (lượt / phút): 4300
Kích thước pallet (mm): 1050 × 550 × 30	Rung điện (kW): 15

#### Bảng sản lượng ( QTY5-15 )

Tiêu chuẩn sản phẩm	Số lượng mỗi tấm	Viên / giờ	Viên /8 giờ	vạn viên / năm
Gạch xây (390 × 190 × 190)	5	1200	9600	288(40,000m <sup>3</sup> )
Gạch đa lỗ (240 × 115 × 90)	16	3840	30720	922(23,000m <sup>3</sup> )
Gạch lát đường ( 200 × 100 × 60)	18	4320	34560	1000(200,000m <sup>2</sup> )
Gạch tiêu chuẩn (240 × 115 × 53)	32	7680	61440	1800(26,000m <sup>3</sup> )



## Hệ thống sản phẩm ▶ Hệ thống các loại máy đúc gạch hiệu QTJ

### Đặc điểm kỹ thuật chính:

- 1, Tất cả đều sử dụng cách thức chuyển động cơ khí, kết cấu thiết kế đơn giản và hợp lý.
- 2, Sử dụng chương trình kiểm soát PLC của Nhật Bản, quá trình sản xuất gạch hoàn toàn tự động. các bộ phận điện do các công ty nổi tiếng trong nước cung cấp ,hoạt động an toàn và đáng tin cậy.
- 3, Máy chủ sử dụng phương thức tăng áp và chấn động với tần số cao đồng bộ, làm cho sản phẩm được rắn chắc hơn.
- 4, Sử dụng thiết bị phá vỡ nhanh chóng cấu trúc, giúp giảm thiểu thời gian đổ vật liệu và tăng năng suất.
- 5, Một máy đa dụng, vừa có thể sản xuất các khối chịu lực, mà còn có thể sản xuất các khối không chịu lực, thông qua việc thay thế khuôn mẫu, có thể sản xuất một loạt các mặt bên ngoài và trong tương ứng của sản phẩm.



# Hệ thống sản phẩm

Hệ thống các loại máy làm gạch hiệu QTJ

## Sản phẩm máy đúc gạch hiệu QTJ 5-20

### Các thông số kỹ thuật chính ( QTJ5-20 )

Kích thước bên ngoài (mm): 3405 × 2040 × 4300	Chu kỳ hình thành (giây/lượt) : 20
Trọng lượng toàn máy (tấn): 8	Sản lượng (viên / giờ): 900
Tổng dung lượng lắp đặt máy (kW): 44	Lực chấn (Kn): 55
Số lượng hình thành (viên): 5(390 × 190 × 190)	Tần số rung (lượt / phút): 43
Kích thước pallet (mm): 1050 × 550 × 30	Rung điện (kW): 15

### Bảng sản lượng ( QTJ5-20 )

Tiêu chuẩn sản phẩm	Số lượng mỗi tấm	Viên / giờ	Viên /8 giờ	vạn viên / năm
Gạch xây (390 × 190 × 190)	5	900	7200	216(30,000m <sup>3</sup> )
Gạch đa lỗ (240 × 115 × 90)	16	2880	23040	690(17,000m <sup>3</sup> )
Gạch tiêu chuẩn (240 × 115 × 53)	32	5760	46080	1380(20,000m <sup>3</sup> )



## Sản phẩm máy đúc gạch hiệu QTJ4-18

### Các thông số kỹ thuật chính ( QTJ4-18 )

Kích thước bên ngoài (mm): 3405 × 2040 × 4300	Chu kỳ hình thành (giây/lượt) : 18
Trọng lượng toàn máy (tấn): 7	Sản lượng (viên / giờ): 800
Tổng dung lượng lắp đặt máy (kW): 40	Lực chấn (Kn): 45
Số lượng hình thành (viên): 4(390 × 190 × 190)	Tần số rung (lượt / phút): 4300
Kích thước pallet (mm): 840 × 450 × 30	Rung điện (kW): 11

### Bảng sản lượng ( QTJ4-18 )

Tiêu chuẩn sản phẩm	Số lượng mỗi tấm	Viên / giờ	Viên /8 giờ	vạn viên / năm
Gạch xây (390 × 190 × 190)	4	800	6400	192(27,000m <sup>3</sup> )
Gạch đa lỗ (240 × 115 × 90)	9	1800	14400	432(11,000m <sup>3</sup> )
Gạch tiêu chuẩn (240 × 115 × 53)	21	4200	33600	1008(15,000m <sup>3</sup> )

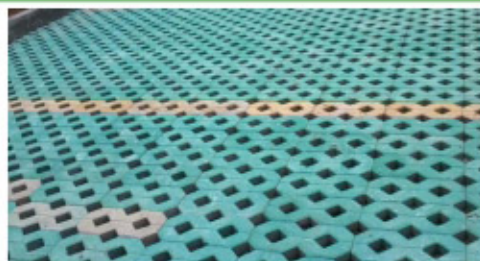


# Các lĩnh vực ứng dụng của sản phẩm

Gạch xi măng

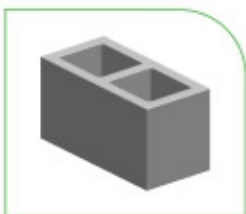


Gạch lát đường

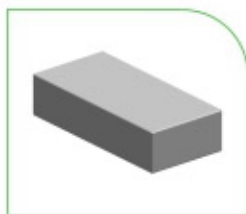


Gạch trồng cỏ

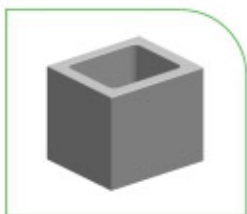
# Quy cách mẫu gạch $L \times W \times H$



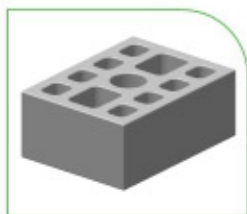
180 x 115 x 90



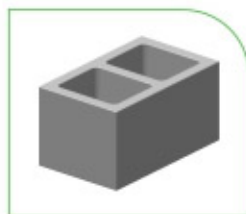
240 x 115 x 53



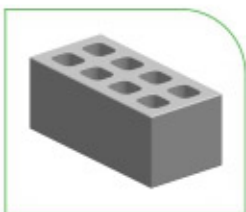
190 x 190 x 190



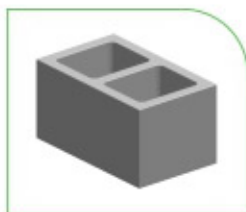
240 x 180 x 90



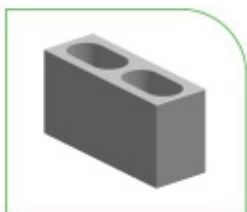
240 x 180 x 90



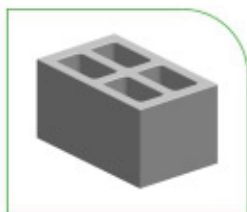
240 x 115 x 90



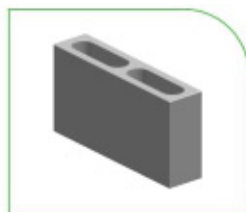
390 x 190 x 190



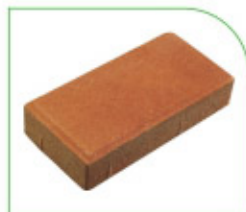
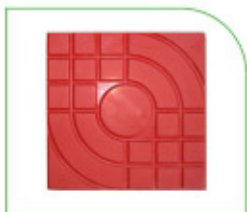
390 x 90 x 190



390 x 190 x 190



390 x 90 x 190







## 南宁神塔机械设备有限公司

Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết bị cơ khí Thần Tháp Nam Ninh

厂址：广西南宁市良庆经济开发区建业一街7号

Địa chỉ nhà máy: số 7 Phố Kiến Nghiệp Khu Phát Triển Kinh Tế Lương Khách

TP Nam Ninh Tỉnh Quảng Tây Trung Quốc

电话DT: 0086-771-3815888

手机DD: 0086-15177123456

网址Web: [www.shen-ta.com](http://www.shen-ta.com) 邮箱Email: [shentamachinery@yahoo.com.cn](mailto:shentamachinery@yahoo.com.cn)